

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 10/12/2024

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	1,800	5.05%
2	BCG	300	0.22%
3	BID	100	0.51%
4	BVH	100	0.57%
5	CTG	400	1.61%
6	DBC	100	0.30%
7	DCM	100	0.41%
8	DGC	100	1.28%
9	DGW	100	0.47%
10	DIG	200	0.46%
11	DPM	100	0.40%
12	DXG	300	0.59%
13	EIB	700	1.46%
14	EVF	200	0.23%
15	FPT	600	9.71%
16	FRT	100	2.00%
17	GAS	100	0.76%
18	GEX	300	0.63%
19	GMD	300	2.22%
20	GVR	100	0.35%
21	HAG	300	0.42%

22	HCM	200	0.65%
23	HDB	1,000	2.97%
24	HDG	100	0.34%
25	HHV	200	0.25%
26	HPG	1,600	4.87%
27	HSG	200	0.42%
28	KBC	300	0.95%
29	KDC	100	0.55%
30	KDH	200	0.76%
31	LPB	1,000	3.76%
32	MBB	1,300	3.49%
33	MSB	1,000	1.28%
34	MSN	300	2.42%
35	MWG	500	3.36%
36	NKG	100	0.22%
37	NLG	100	0.42%
38	NVL	600	0.71%
39	OCB	600	0.73%
40	PAN	100	0.25%
41	PCI	100	0.25%
42	PDR	200	0.49%
43	PLX	100	0.44%
44	PNJ	100	1.07%
45	POW	200	0.28%
46	PVD	100	0.27%
47	PVT	100	0.30%
48	REE	100	0.75%
49	SAB	100	0.63%
50	SBT	200	0.28%
51	SHB	1,400	1.60%
52	SSB	800	1.52%
53	SSI	600	1.73%
54	STB	800	2.99%
55	TCB	2,100	5.58%
56	TCH	200	0.35%
57	TPB	600	1.08%
58	VCB	300	3.15%
59	VCG	100	0.20%
60	VCI	200	0.77%
61	VHC	100	0.81%
62	VHM	700	3.19%
63	VIB	700	1.49%
64	VIC	500	2.30%

527
CC
Ộ T
IN LY
CHUN
I
9A TR

65	VIX	600	0.68%
66	VJC	100	1.13%
67	VND	500	0.74%
68	VNM	400	2.82%
69	VPB	2,000	4.27%
70	VRE	400	0.78%
II.	Tiền/Cash (VND)	47,863,510	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 908,366,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 956,229,510

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 47,863,510

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	25,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	46,700	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	147,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	67,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	24,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	61,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	96,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	24,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	13,450	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

78
TY
+
H VI
Y ĐÃ
HOÀI
A
- TP

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thủy Lan

